

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: CD, DH Ngành: ..... Mã số:

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

#### 1. Thông tin chung

<b>1.1. Tên học phần:</b> Tiếng Anh 3	<b>1.2. Tên tiếng Anh:</b> English 3
<b>1.3. Mã học phần:</b> .....	<b>1.4. Số tín chỉ:</b> 03
<b>1.5. Phân bố thời gian:</b>	
- Lý thuyết:	18 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	27 tiết
- Tự học:	90 tiết
<b>1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên Bộ môn tiếng Anh
<b>1.7. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Tiếng Anh 3
- Học phần học trước:	Tiếng Anh 2
- Học phần song hành:	Không

#### 2. Mục tiêu

**2.1. Mục tiêu chung:** Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có năng lực tiếng Anh ở trình độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 2.2.1. Về kiến thức:

Kết thúc học phần sinh viên có kiến thức về từ vựng và cấu trúc tiếng Anh để có thể nghe hiểu hoặc miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề như ẩm thực, sức khỏe, môi trường - tự nhiên, sở thích cá nhân, giải trí, và các phương tiện giao tiếp. Ngoài ra, sinh viên được cung cấp các kiến thức văn hoá, khoa học và xã hội nhằm hỗ trợ cho việc nâng cao năng lực đọc hiểu các văn bản ngắn cũng như viết được đoạn văn có cấu trúc rõ ràng liên quan đến các chủ đề được học trong học phần.

##### 2.2.2. Về kỹ năng:

Học phần Tiếng Anh 3 được thiết kế nhằm tiếp tục rèn luyện thêm cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ đã phát triển ở học phần tiếng Anh 2, giúp sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc như: ẩm thực, sức khỏe, môi trường - tự nhiên, sở thích cá nhân, giải trí, và các phương tiện giao tiếp. Sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra, viết đoạn văn đơn giản liên quan

đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm và mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

### 2.2.3. Về thái độ:

- Sinh viên ý thức được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách tích cực, áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn học tập và sử dụng tiếng Anh.

- Ngoài ra, sinh viên có tinh thần kỷ luật tốt, thái độ học tập, lao động đúng đắn; nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần:

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung chuẩn đầu ra của đề cương học phần (CLO)
	<b>Về kiến thức</b>
CLO 1	Có đủ vốn từ vựng để có thể miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề mang tính trừu tượng hay văn hóa như ẩm thực, giải trí, môi trường-tự nhiên.
CLO 2	Có đủ vốn từ vựng để diễn đạt mong muốn bản thân với một chút do dự hay viết lòng vòng về các chủ đề như sở thích, du lịch, bảo vệ môi trường, các sự kiện đang diễn ra.
CLO 3	Sử dụng các cấu trúc ngôn ngữ phù hợp để diễn đạt ý trong các loại hình giao tiếp khác nhau và theo từng hoàn cảnh xã hội.
	<b>Về kỹ năng</b>
CLO 4	<b>Kỹ năng nghe:</b> - Hiểu được những thông tin từ các bài hội thoại, độc thoại và phỏng vấn được diễn đạt bởi những người nói tiếng Anh đến từ các nước khác nhau; xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống như ẩm thực, nơi ở và chỗ sinh hoạt riêng tư, môi trường, thiên nhiên và giải trí.
CLO 5	<b>Kỹ năng nói:</b> - Giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, công việc, gặt gũ thiên nhiên, các hoạt động giải trí xung quanh.
CLO 6	<b>Kỹ năng đọc:</b> - Đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.
CLO 7	<b>Kỹ năng viết:</b> - Viết thư từ hoặc một câu chuyện với độ dài nhất định nhằm cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đến công việc, học tập và các chủ đề về văn hóa, ẩm thực, giải trí.
	<b>Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)</b>
CLO 8	- Ý thức được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách tích cực, áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn học tập và sử dụng tiếng Anh.

CLO 9	Có tinh thần kỷ luật tốt, thái độ học tập, lao động đúng đắn; nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm.
-------	---

#### 4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
CLO 1						M						
CLO 2						M						
CLO 3						M						
CLO 4						M						
CLO 5						M						
CLO 6						M						
CLO 7						M						
CLO 8						M						
CLO9						M						

#### 5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Liên quan đến CDR nào ở Bảng 3.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%			X	CLO 1 CLO 8 CLO 9	Quan sát, điểm danh, yêu cầu trả lời câu hỏi hoặc nêu ý kiến cá nhân

A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	45%	A2.1. Tuần 5 Kiểm tra kỹ năng Nghe - Nói	30%		CLO 1 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 8	<b>A2.1. Thi viết :</b> Nghe một bài phỏng vấn và điền từ còn thiếu vào các câu cho sẵn. <b>Thi vấn đáp:</b> Quan sát bức tranh và miêu tả sơ lược. (theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn)
		Tuần 10. Kiểm tra kỹ năng Đọc – Viết	30%		CLO 1 CLO 2 CLO 6 CLO 7 CLO 8	<b>A2.2. Thi viết:</b> - Đọc 1 bài viết và chọn câu trả lời đúng cho câu hỏi. - Viết một bức thư phúc đáp hoặc kể lại 1 câu chuyện với chủ đề cho sẵn (dài 100 từ) (theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn)
		Tuần 15: Kiểm tra kỹ năng Nghe – Đọc – Viết	40%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 6 CLO 7 CLO 8	<b>A2.3. Thi viết:</b> - Nghe 1 đoạn hội thoại và chọn câu trả lời Đúng – Sai. - Đọc 1 đoạn văn và chọn đáp đúng để điền vào chỗ trống. - Viết một bức thư phúc đáp hoặc kể lại 1 câu chuyện với chủ đề cho sẵn (dài 100 từ) (theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn)
A3. Đánh giá cuối kỳ	50%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi vấn đáp		X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 5 CLO 8 CLO 9	<b>A3. Thi Vấn đáp</b> - Thi theo định dạng đề thi nói ở trình độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của HP. Nếu nghỉ  $> 20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

## 6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CDR nào ở bảng 3.1	PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.3
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	UNIT 1: FOOD AND DRINK 1. Speaking: Foods, ingredients, recipe: Part 1,3 2. Writing: Part 1	4	Sinh viên có khả năng: 1. nắm được những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh, năng lực viết và nói tiếng Anh ở trình độ B1 (bậc 4 KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam). 2. thể hiện quan điểm cá nhân, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, rõ ràng và chính xác trong các cuộc đàm thoại hoặc trao đổi thông tin về các món ăn, cách chế biến món ăn.	CLO1  CLO3  CLO5  CLO7  CLO8  CLO9	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phân chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	AI
2, 3	UNIT 2: YOUR OWN SPACE 1. Reading: Part 4, 5 2. Listening: Part 4	4	Sinh viên có khả năng: 1. sử dụng thành thạo và áp dụng linh hoạt vốn từ vựng ở trình độ B1. 2. đọc hiểu văn bản, chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống để có một	CLO1  CLO2	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính, loa	- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề	AI

			đoạn văn hoàn chỉnh, đồng thời hiểu rõ nội dung văn bản để có thể trả lời các câu hỏi liên quan. 3. nghe hiểu và xác định được ý chính trong các bài nói về chủ đề thường gặp trong cuộc sống	<i>CLO4</i> <i>CLO6</i> <i>CLO8</i>	và projector để hướng dẫn	xuất khi nghe giảng - Phân chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	
3, 4	UNIT 3: CLOSE TO NATURE 1. Speaking: environment, weather, animals: Part 3,4 2. Listening: Part 2	4	Sinh viên có khả năng: 1. thể hiện quan điểm cá nhân, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, rõ ràng và chính xác để trình bày ý kiến của mình về thiên nhiên, thời tiết và các hoạt động thường ngày. 2. nghe hiểu và xác định được ý chính của các nhân vật trong bài phỏng vấn.	<i>CLO3</i> <i>CLO4</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phân chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	A1
5	<b>Ôn tập và kiểm tra kết thúc tín chỉ 1</b>	3	Sinh viên có khả năng: 1. nắm được những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh, năng lực nghe và nói tiếng Anh ở trình độ B1. (Part 2, 4)	<i>CLO1</i>	Kiểm tra vấn đáp và tự luận	Ôn tập tốt và nghiêm túc làm bài	A1 A2.1
6, 7	UNIT 4: THE WIDE WORLD	4	Sinh viên có khả năng: 1. sử dụng thành thạo và áp dụng linh hoạt vốn từ	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp.	- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc	A1

	1. Reading: Part 3 2. Writing: Part 1, 2		vựng ở trình độ B1, viết một bức thư ngắn trình bày quan điểm của mình. 2. đọc hiểu văn bản và các ý chính của bài để chọn câu trả lời đúng sai, và giải thích được lí do cho lựa chọn của mình.	<i>CLO6</i> <i>CLO7</i> <i>CLO8</i>	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	
7, 8	UNIT 5: FREE TIME Speaking: Sports, free-time activity: Part 3,4 2. Reading: Part 2	4	Sinh viên có khả năng: 1. nắm được thêm loại bài tập đọc hiểu khác trong định dạng đề thi B1. 2. nắm vững kiến thức ngôn ngữ Anh về từ vựng và các cấu trúc câu để diễn đạt ý kiến của mình, mô tả tranh và thảo luận về các hoạt động thể thao – giải trí.	<i>CLO1</i> <i>CLO3</i> <i>CLO5</i> <i>CLO6</i> <i>CLO8</i> <i>CLO9</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	A1
8, 9	UNIT 6: GET WELL SOON Reading: Part 3 Writing:	4	Sinh viên có khả năng: 1. nắm được những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh để có thể đọc hiểu và nắm được các ý được	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới;	A1



	Part 1, 3		trình bày trong một đoạn văn có độ dài nhất định. 2. Nắm vững kiến thức về từ vựng và cấu trúc câu để chuyển đổi linh hoạt các cách diễn đạt khác nhau nhưng cùng một ý chính, đồng thời viết một bức thư với độ dài nhất định trình bày quan điểm của mình.	<i>CLO6</i> <i>CLO7</i> <i>CLO8</i>	tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn	Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	
10	<b>Ôn tập và kiểm tra kết thúc tín chỉ 2</b>	3	Sinh viên có khả năng: 1. nắm được những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh, năng lực đọc (Part 4, 5) và viết (Part 3) tiếng Anh ở trình độ B1.	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO6</i> <i>CLO7</i> <i>CLO8</i>	Kiểm tra tự luận	Nghiêm túc làm bài	A2.2
11, 12	UNIT 7: ENTERTAINMENT 1. Listening: Part 1, 3 2. Writing: Part 3	4	Sinh viên có khả năng: 1. nghe hiểu và nắm bắt được ý người nói khi nghe các đoạn hội thoại ngắn cũng như các bài phỏng vấn dài trên đài phát thanh. 2. nắm vững kiến thức về từ vựng và cấu trúc câu để viết một câu chuyện ngắn có tính liên kết về một chủ đề quen thuộc.	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO4</i> <i>CLO7</i> <i>CLO8</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính, loa và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt	A1

						động	
12, 13	UNIT 8: THE AGE OF COMMUNICATION 1. Speaking: Part 3, 4 2. Reading: Part 5	4	Sinh viên có khả năng: 1. nắm vững kiến thức ngôn ngữ Anh về từ vựng và các cấu trúc câu để diễn đạt ý kiến của mình, mô tả tranh và thảo luận về các hình thức giao tiếp và liên lạc. 2. đọc hiểu ý chính của văn bản, chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống để có một văn bản hoàn chỉnh.	<i>CLO1</i> <i>CLO3</i> <i>CLO5</i> <i>CLO6</i> <i>CLO8</i> <i>CLO9</i>	- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động	A1
13, 14, 15	Ôn tập, kiểm tra thử và kiểm tra kết thúc tín chỉ 3	7	Sinh viên có khả năng: 1. nắm vững những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và sử dụng kiến thức vào thực hành kỹ năng nghe, đọc và viết tiếng Anh ở trình độ B1 (bậc 4 KNLNN 6 bậc dùng cho VN).	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> <i>CLO6</i> <i>CLO7</i> <i>CLO8</i>	- GV sử dụng tài liệu [2], máy tính, loa và projector để hướng dẫn  Kiểm tra tự luận	- Phần chuẩn bị ở nhà: tự luyện tập theo tài liệu GV đã cung cấp; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi khi ôn tập. - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học.  Làm bài nghiêm túc	A1  A2.3
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì		Sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và sử dụng vào thực hành	<i>CLO1</i> <i>CLO3</i> <i>CLO5</i>	Kiểm tra vấn đáp	Ôn bài cẩn thận  Làm bài nghiêm túc	A3

			kỹ năng nói tiếng Anh ở trình độ B1	<i>CLO8</i> <i>CLO9</i>			
--	--	--	--	----------------------------	--	--	--

## 7. Học liệu

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
<b>Giáo trình chính</b>				
1	Kenny, N., & Kelly, A	2007	Ready for PET: Coursebook	MacMillan Publishers Limited
<b>Sách, giáo trình tham khảo</b>				
2	Quintana, J.	2010	PET Result: Student's book	Oxford University Press
3	Falla, T., & Davies, P. A	2008	Solutions Intermediate: Student's book	Oxford University Press
4	Clive. O., & Christina, L. K.	2008	American English File 3: Student's book	Oxford University Press
5	Laurie, F., & Robin, M	2009	Northstar 3 (3rd Eds.).	Pearson Education, Inc. USA.
6	University of Cambridge ESOL Examinations	2008	Preliminary English Test 5	Oxford University Press
7	University of Cambridge ESOL Examinations	2008	Preliminary English Test 6	Oxford University Press

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu	01	Tất cả các bài học

## 9. Rubric đánh giá

### a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

### Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

### b. Đánh giá bài thi

#### Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác	20%

					tốt với người nghe.	
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	<b>80%</b>

*Quảng Bình, ngày 7 tháng 9 năm 2021*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**TS. Nguyễn Đình Hùng**

**TS. Lê Thị Hằng**

**ThS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh**